

Số: /2025/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

“DỰ THẢO”

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều
kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy
sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ
sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực
phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2024
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư
quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc
phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương (*Kế hoạch chi tiết kèm theo*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Hải Dương, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

“DỰ THẢO”

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giữa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3: Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Theo Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 4. Phân cấp, trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh theo phân công trách nhiệm quy định tại Điều 63 Luật an toàn thực phẩm và khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 38 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Dự thảo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các chương trình, Kế hoạch, đề án, dự án về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực nông lâm thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh.

3. Cấp, quản lý, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (theo Danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

b) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành (2 Sở) trở lên, thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Cơ sở sản xuất ban đầu là tổ chức có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối.

d) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có hoạt động sơ chế, chế biến, bảo quản.

4. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở là tổ chức kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTN.

5. Quản lý an toàn thực phẩm và thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này; Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực; chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản; cơ sở là tổ chức kinh doanh mặt hàng bao gói sẵn sản phẩm nông, lâm, thủy sản (chuyên doanh) không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, phổ biến cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; cho cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm các cấp thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

7. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố là tổ chức có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (danh mục các sản phẩm/nhóm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

8. Phối hợp liên ngành với Sở Y tế, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, văn bản quy phạm pháp luật, điều tra ngộ độc thực phẩm.

9. Tổ chức thực hiện chương trình hậu kiểm; giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo an toàn thực phẩm tỉnh.

Điều 5. Phân cấp, trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo các nội dung được phân công, phân cấp tại quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tại Điều 65 của Luật an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.

3. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn cho các phòng chuyên môn, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

4. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

5. Cấp, quản lý, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (danh mục các sản phẩm/nhóm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

6. Quản lý an toàn thực phẩm; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại khoản 5, khoản 7 Điều này.

7. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố là hộ kinh doanh, Hợp tác xã có hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (danh mục các sản phẩm/nhóm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

8. Tổ chức thực hiện chương trình hậu kiểm; giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

9. Phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tổ chức ký cam kết về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm của tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Phân cấp, trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp tại quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tại Điều 65 của Luật an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.

3. Tổ chức ký cam kết (Điều 4 Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT) đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sơ chế, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn; sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có điểm cố định, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét

4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở tại khoản 3 Điều này và triển khai thực hiện các nội dung tại Điều 9; quản lý, kiểm tra, xử lý cơ sở vi phạm cam kết theo Điều 3, Điều 5, Điều 6 Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các phòng chuyên môn, đơn vị cấp huyện tổ chức thực hiện phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

6. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm của các phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện.

Điều 7. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm

1. Việc thanh tra, kiểm tra liên ngành do các cơ quan, đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân hoặc Ban Chỉ đạo liên ngành cùng cấp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm không chồng chéo giữa các ngành, các cấp và thống nhất từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Trong trường hợp trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm sẽ thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thống kê, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý.

Điều 8. Phối hợp trong thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm

1. Các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan y tế trong việc thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm.

2. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm ưu tiên về thời điểm, thời lượng phát sóng để thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; dung lượng và vị trí đăng trên báo in, báo hình, báo điện tử theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng không thu phí, trừ trường hợp thực hiện theo hợp đồng riêng với chương trình, dự án hoặc do tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ.

Điều 9. Phối hợp trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước để bảo đảm thống nhất quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm; cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan đến nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; phối hợp với Sở Y tế điều tra nguyên nhân và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của các ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng; Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Đối với những Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trước đây đang còn hiệu lực, được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn quy định.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Báo cáo định kỳ (*trước ngày 15/6 đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 15/12 đối với báo cáo năm*) hoặc báo cáo đột xuất tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn với UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan đơn vị; các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.